

Số: 81/NQ-HĐKĐCLGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng  
chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học  
Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 5570/QĐ-BGDĐT ngày 22/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Trung tâm);

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-TTKĐ ngày 01/3/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Hội đồng);

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-TTKĐ ngày 05/3/2024 của Giám đốc Trung tâm về việc thành lập Hội đồng;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-TTKĐ ngày 29/10/2025 của Giám đốc Trung tâm về việc bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng theo Quyết định số 16/QĐ-TTKĐ ngày 05/3/2024 của Giám đốc Trung tâm;

Căn cứ báo cáo kết quả tự đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá ngoài chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội ngày 19/11/2025;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín tại kỳ họp thứ 59, phiên họp 59.3 của Hội đồng về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội ngày 19/11/2025.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện công tác đánh giá chất lượng theo đúng quy định, quy trình; bảo đảm tính độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục như sau: Số tiêu chí “đạt yêu cầu” là 49 trên tổng số 50 tiêu chí (chiếm 98,00%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (Phụ lục I).

**Điều 2.** Khuyến nghị Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện các giải pháp bảo đảm và cải tiến chất lượng giáo dục chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học cho giai đoạn 5 năm tiếp theo dựa trên các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và các khuyến nghị ở Phụ lục II.

**Điều 3.** Đối chiếu với Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng thống nhất công nhận chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo và đề nghị Giám đốc Trung tâm cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đối với chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. *HL*

**Nơi nhận:**

- Trường ĐH Giáo dục - ĐHQGHN;
- Giám đốc TTKĐCLGD;
- HĐKĐCLGD (09);
- Văn phòng (công khai công thông tin);
- Phòng ĐGCLGD;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD  
CHỦ TỊCH**



*Lê Ngọc Quỳnh Lam*

**Lê Ngọc Quỳnh Lam**



**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐKĐCLGD ngày 19 tháng 11 năm 2025*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

| Tiêu chuẩn/<br>Tiêu chí | Điểm theo tiêu chuẩn  |                      |                       |                                 | Tiêu chuẩn/<br>Tiêu chí | Điểm theo tiêu chuẩn  |                      |                       |                                 |
|-------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------------|
|                         | Điểm theo<br>tiêu chí | Mức<br>trung<br>bình | Số<br>tiêu<br>chí đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |                         | Điểm theo<br>tiêu chí | Mức<br>trung<br>bình | Số<br>tiêu<br>chí đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                       |                      |                       |                                 | Tiêu chí 7.1            | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 1.1            | 4                     | 4,00                 | 3                     | 100,00                          | Tiêu chí 7.2            | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 1.2            | 4                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 7.3            | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 1.3            | 4                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 7.4            | 4                     |                      |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                       |                      |                       |                                 | Tiêu chí 7.5            | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 2.1            | 4                     | 4,00                 | 3                     | 100,00                          | <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                       |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 2.2            | 4                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 8.1            | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 2.3            | 4                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 8.2            | 4                     | 4,20                 | 5                     | 100,00                          |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                       |                      |                       |                                 | Tiêu chí 8.3            | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 3.1            | 4                     | 3,67                 | 2                     | 66,67                           | Tiêu chí 8.4            | 5                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 3.2            | 3                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 8.5            | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 3.3            | 4                     |                      |                       |                                 | <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                       |                      |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                       |                      |                       |                                 | Tiêu chí 9.1            | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 4.1            | 4                     | 4,33                 | 3                     | 100,00                          | Tiêu chí 9.2            | 5                     | 4,40                 | 5                     | 100,00                          |
| Tiêu chí 4.2            | 5                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 9.3            | 5                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 4.3            | 4                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 9.4            | 4                     |                      |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                       |                      |                       |                                 | Tiêu chí 9.5            | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.1            | 4                     | 4,20                 | 5                     | 100,00                          | <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                       |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.2            | 4                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 10.1           | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.3            | 4                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 10.2           | 4                     | 4,00                 | 6                     | 100,00                          |
| Tiêu chí 5.4            | 5                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 10.3           | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 5.5            | 4                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 10.4           | 4                     |                      |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                       |                      |                       |                                 | Tiêu chí 10.5           | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.1            | 5                     | 4,43                 | 7                     | 100,00                          | Tiêu chí 10.6           | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.2            | 5                     |                      |                       |                                 | <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                       |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.3            | 4                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 11.1           | 4                     | 4,00                 | 5                     | 100,00                          |
| Tiêu chí 6.4            | 4                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 11.2           | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.5            | 4                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 11.3           | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.6            | 4                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 11.4           | 4                     |                      |                       |                                 |
| Tiêu chí 6.7            | 5                     |                      |                       |                                 | Tiêu chí 11.5           | 4                     |                      |                       |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                       | 4,00                 | 5                     | 100,00                          | <b>Đánh giá chung</b>   |                       | <b>4,14</b>          | <b>49</b>             | <b>98,00</b>                    |

## Phụ lục II

### **KHUYẾN NGHỊ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

#### **TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐKĐCLGD ngày 19 tháng 11 năm 2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

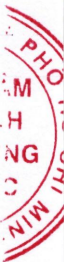
Hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học tại Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội được thực hiện bởi Hội đồng tự đánh giá thành lập theo Quyết định số 2769/QĐ-ĐHGD ngày 24/9/2024, dựa trên kế hoạch số 3325/KH-ĐHGD ngày 31/10/2024.

Đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 173/QĐ-TTKĐ ngày 22/9/2025.

Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát sơ bộ tại Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội vào ngày 29/9/2025 và khảo sát chính thức từ ngày 10-13/10/2025.

Trong giai đoạn đánh giá, chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học có những điểm mạnh nổi bật sau:

- **Về thiết kế chương trình đào tạo và triển khai hoạt động dạy – học:** Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phát biểu theo nguyên tắc SMART, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được công bố công khai. Bản mô tả chương trình đào tạo có đầy đủ nội dung theo quy định, được rà soát và cập nhật các nội dung mới có liên quan đến quy định của Trường, nhu cầu của các bên liên quan. Đề cương học phần của chương trình đào tạo được biên soạn theo mẫu chung, trình bày đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Trường và được định kỳ rà soát theo kế hoạch. Bản mô tả chương trình đào tạo được công bố cho người học bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan tiếp cận với bản mô tả chương trình đào tạo một cách thuận tiện, nhanh chóng. Chuẩn đầu ra theo 3 lĩnh vực: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm được phát biểu rõ ràng và làm cơ sở cho việc thiết kế chương trình dạy học theo quy định về công tác phát triển chương trình đào tạo của Trường và của Đại học Quốc gia Hà Nội. Có sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Có đối sánh nội dung các học phần trong chương trình dạy học với các chương trình đào tạo tiên tiến trong nước, quốc tế. Triết lý giáo dục được thể hiện rõ nét trong thiết kế



KHOA Y KHOA CÁI LỊCH & CHẤT LIỆNG CHUNG TRÊN BẢO TÀNG

NGÂN HÀNG CÁC QUỐC GIA VÀ CÁC QUỐC GIA KHÁC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA - ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM

(Số lượng: 1000 quyển) - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

Chức vụ: Giám đốc - 1000 quyển - 1000 quyển

chương trình đào tạo. Giảng viên chủ động triển khai các phương pháp dạy học đa dạng theo hướng lấy người học làm trung tâm và tích cực theo sát hướng dẫn người học chủ động lựa chọn và sử dụng các hoạt động học tập phù hợp, nhằm đạt được chuẩn đầu ra và hỗ trợ người học rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời. Người học hài lòng với các hoạt động dạy và học, phương pháp dạy học. Trường có quy định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, công cụ, tiêu chí, trọng số đánh giá kết quả học tập của người học. Giảng viên sử dụng đa dạng các hoạt động, phương pháp kiểm tra trong việc đánh giá quá trình, giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ phù hợp với chuẩn đầu ra. Trường có quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả học tập của người học, các quy định được công bố đến giảng viên và người học qua nhiều kênh. Việc phản hồi kết quả đánh giá năng lực nghề nghiệp cũng được thực hiện thường xuyên, kịp thời và kỹ lưỡng. Người học sử dụng phản hồi về kết quả đánh giá cải thiện việc học tập. Các thắc mắc, khiếu nại của người học về kết quả học tập được Trường xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng trong quá trình học và khi kết thúc học phần.

- **Về nguồn lực:** Chiến lược phát triển Trường xác định rõ nhiệm vụ về công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ với các chỉ tiêu cụ thể, hướng đến đạt 70% cán bộ khoa học trên tổng số viên chức của Trường đạt trình độ tiến sĩ trở lên. Trường có các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/chức danh lãnh đạo; các tiêu chí này đáp ứng quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường và Khoa triển khai nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và phát triển chuyên môn cho giảng viên. Việc quản trị kết quả thực hiện công việc của giảng viên được thực hiện theo quy trình, quy định và hướng dẫn cụ thể của Đại học Quốc gia Hà Nội. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên làm việc tại các bộ phận dịch vụ hỗ trợ cho người học phù hợp với định hướng chiến lược của Đại học Quốc gia Hà Nội và đáp ứng mục tiêu Chiến lược phát triển Trường. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định trong bản mô tả vị trí việc làm. Trường có tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng căn cứ kết quả khảo sát nhu cầu của nhân viên, kết hợp cập nhật các yêu cầu thực tiễn như ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số... Trường có quy định công việc cụ thể đối với nhân viên trong bản mô tả vị trí việc làm và kế hoạch công tác năm; và có triển khai đánh giá viên chức, người lao động bài bản, nghiêm túc. Đề án tuyển sinh Trường thể hiện rõ ràng chính sách, tiêu chí và phương thức tuyển sinh và được cập nhật hằng năm phù hợp với sự thay đổi các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công tác tuyển sinh của Trường sáng tạo và có hiệu quả. Có sự phối hợp cụ thể giữa các đơn vị trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học. Trường triển khai thường xuyên các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ người học. Trường có chính sách khuyến khích người học



tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học. Trường quản lý dữ liệu về sự tiến bộ của người học, tỉ lệ người học chậm tiến độ học tập, quá hạn đào tạo hoặc thôi học trên phần mềm quản lý đào tạo. Trường đã có nhiều cố gắng để tạo cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn, tạo sự thuận lợi cho người học và được người học đánh giá cao. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng có trang thiết bị phù hợp cho các hoạt động học tập, làm việc. Thư viện có kho mở thuận tiện cho người học tìm tài liệu, có lịch hoạt động hợp lý suốt tuần nhằm phục vụ tối đa nhu cầu học tập của người học. Các phòng thực hành của Trường được trang bị thiết bị phù hợp giúp người học thuận tiện trong việc học các học phần thực hành. Hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo tính bảo mật, đảm bảo tính an toàn của dữ liệu, đảm bảo tính ổn định trong hoạt động. Trường có các quy định về an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy có hướng đến phục vụ nhu cầu của người khuyết tật và việc triển khai thực hiện quy định nghiêm túc, có kiểm tra định kỳ.

- **Về nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra:** Các quy định rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện thống nhất, hiệu quả. Quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá được rà soát, đánh giá theo quy định, bảo đảm tính công bằng, minh bạch, hướng đến việc đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Hướng nghiên cứu của giảng viên gắn với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non, gắn với phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học và cập nhật xu hướng hiện đại trong chăm sóc, giáo dục trẻ. Kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào dạy học dưới dạng các tình huống thảo luận và chuyên đề. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan, kết quả tự rà soát của các đơn vị được sử dụng để cải tiến chất lượng dịch vụ và tiện ích. Cơ chế phản hồi được thiết lập có tính hệ thống, được thể chế hóa bằng các quy trình lấy ý kiến rõ ràng cho từng nhóm đối tượng; được thực hiện hằng năm; và được Trường và Viện Đảm bảo chất lượng – Đại học Quốc gia Hà Nội rà soát, điều chỉnh định kỳ. Phòng Đào tạo và Người học chịu trách nhiệm xác lập, theo dõi, giám sát và đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp và tỉ lệ có việc làm. Tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn đạt 65%-66%, đáp ứng yêu cầu của chuẩn cơ sở giáo dục. Tỉ lệ người học thôi học thấp. Thời gian tốt nghiệp trung bình của chương trình đào tạo gần với thời gian thiết kế (4,3 năm). Khoa đã có những nỗ lực để thúc đẩy nghiên cứu khoa học của người học; người học của ngành đào tạo đã có 03 đề tài nghiên cứu khoa học, 06 bài báo/báo cáo và đạt 06 giải thưởng trong các cuộc thi các cấp.

Bên cạnh những mặt mạnh, Hội đồng khuyến nghị Trường, Khoa cải thiện chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học như sau:

1. Giảm số lượng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo hướng tích hợp; thể hiện rõ nét các chuẩn đầu ra phù hợp quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non:
  - (1) Năng lực phối hợp với gia đình và cộng đồng trong các hoạt động chăm sóc, nuôi



dưỡng trẻ và bảo vệ quyền trẻ em; và (2) Khả năng nghệ thuật trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

2. Rà soát và hoàn thiện trình bày mức độ đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra trong bản mô tả chương trình đào tạo. Bổ sung mục trình bày phương pháp dạy học vào mẫu đề cương học phần để kiểm soát và hướng dẫn việc xác định, lựa chọn phương pháp dạy học là phù hợp yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần.

3. Rà soát và nhất quán cách trình bày bảng ma trận trong chương trình đào tạo và ma trận chuẩn đầu ra học phần tương thích chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trong các đề cương học phần. Phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo vào học phần nhằm bảo đảm tính logic, chặt chẽ, hợp lý, khả thi. Rà soát và hoàn thiện các nội dung học phần theo hướng gắn kết chuẩn đầu ra kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

4. Tăng cường phương pháp dạy học theo mô hình lớp học đảo ngược (Flipped classroom) ở các học phần phù hợp nhằm thúc đẩy tính hiệu quả, chất lượng. Cải tiến biểu mẫu đề cương học phần theo hướng giúp xác định rõ các phương giảng dạy và học tập phù hợp giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho người học và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

5. Sớm ban hành quy trình, hướng dẫn chính thức về phân tích, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến mức độ phù hợp của phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập với yêu cầu của một số chuẩn đầu ra học phần. Rà soát và bổ sung đầy đủ thang tiêu chí chấm điểm (rubrics) vào đề cương học phần khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

6. Đẩy mạnh việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý các lĩnh vực hoạt động của Trường và trong quản trị kết quả thực hiện công việc của giảng viên. Bổ sung năng lực số của giảng viên trong bản mô tả vị trí việc làm. Đẩy nhanh việc triển khai đánh giá theo khung năng lực giảng dạy của giảng viên.

7. Nghiên cứu ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực nhân viên hỗ trợ theo vị trí việc làm. Đánh giá tính hiệu quả, tác động của việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn của trong việc nâng cao năng lực và hiệu quả thực hiện công việc. Tăng cường tính định lượng trong tiêu chí đánh giá kết quả công việc của nhân viên.

8. Tăng cường thu thập đầy đủ ý kiến các bên liên quan, bao gồm người học, phụ huynh, và nhà tuyển dụng. Thực hiện đánh giá một cách đầy đủ, cụ thể chất lượng người học trúng tuyển theo các phương thức tuyển sinh khác nhau và theo các tổ hợp môn khác nhau (phân tích kết quả học tập của sinh viên, sự tiến bộ, thời gian tốt nghiệp, ...). Phát triển thêm các chương trình đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, phỏng vấn, xây dựng hồ sơ ứng tuyển. Có hạ tầng thân thiện với nhóm người có nhu cầu đặc biệt.



9. Tăng cường khu vực làm việc riêng cho bộ môn và giảng viên. Tăng cường thêm các phần mềm chuyên môn có bản quyền phục vụ hoạt động dạy và học của giảng viên, người học. Đẩy mạnh hơn nữa công tác chuyển đổi số trong công tác quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tăng tích hợp, thống nhất các phần mềm đang sử dụng.

10. Mở rộng đối tượng và nâng cao chất lượng ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và cựu người học về chương trình đào tạo. Tăng cường việc lấy ý kiến giảng viên và chuyên gia khi điều chỉnh quy trình phát triển chương trình dạy học. Mời thêm các chuyên gia bên ngoài khi rà soát, đánh giá hoạt động dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Có cơ chế đánh giá định kỳ về hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên vào dạy học. Tăng cường chia sẻ kinh nghiệm, khuyến khích giảng viên áp dụng kết quả nghiên cứu nhằm bảo đảm tính đồng đều và nâng cao chất lượng giảng dạy trong toàn Khoa. Có cơ chế đánh giá định kỳ mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ dùng chung đối với nhu cầu đặc thù của người học. Hoàn thiện và số hóa hệ thống thu thập phản hồi, xây dựng cơ sở dữ liệu trong hệ thống bảo đảm chất lượng, tiến tới xây dựng các dashboard phục vụ hiệu quả hơn cho việc nâng cao chất lượng, dạy học và các dịch vụ.

11. Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để tự động hóa việc gửi cảnh báo sớm và phân quyền truy xuất dữ liệu, giúp Khoa chủ động hơn trong công tác hỗ trợ người học. Triển khai các giải pháp nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để nhiều người học hơn nữa có thể tham gia nghiên cứu khoa học. Nâng cao chất lượng của việc phân tích thông tin và tăng cường sử dụng hiệu quả dữ liệu kết quả đầu ra của chương trình đào tạo để "ra quyết định dựa trên dữ liệu". Mở rộng phạm vi của hoạt động đối sánh các chỉ số kết quả đầu ra với các trường đại học sư phạm hàng đầu trong nước để có góc nhìn toàn diện về vị thế cạnh tranh của chương trình đào tạo.

Hội đồng đề nghị Trường, Khoa duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đã có, đồng thời thực hiện các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và của Hội đồng về việc khắc phục những tồn tại. Trong vòng 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, Trường, Khoa cần xây dựng và triển khai kế hoạch hành động cụ thể. Vào giữa chu kỳ kiểm định (hai năm rưỡi sau khi được công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo), Trường gửi báo cáo kết quả thực hiện cải thiện chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cơ quan quản lý và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định./.